CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG SÚC SẢN ĐỒNG NAI
Digitally signed by CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG SÚC SẢN ĐỒNG NAI
DN: OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=MST:3600267730, CN=CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG SÚC SẢN ĐỒNG NAI, S=Đồng Nai, C=VN
Reason: I am the author of this document
Location:
Date: 2025-12-10 08:12:24
Foxit Reader Version: 9.0.1

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG SÚC SẢN ĐỒNG NAI	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 23/CBTT.NSS	*Đồng Nai, ngày 08 tháng 12 năm 2025*

CÔNG BỐ THÔNG TIN BẤT THƯỜNG

Kính gửi: **Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội**

1. Tên tổ chức: **Công ty Cổ phần Nông Súc Sản Đồng Nai**

- Mã chứng khoán: **NSS**
- Địa chỉ: 238, Nguyễn Ái Quốc, Phường Tam Hiệp, Tỉnh Đồng Nai
- Điện thoại liên hệ: 0251 3899790 Fax: 0251 3899102
- E-mail: *dolicomail@dolicovn.com*

2. Nội dung thông tin công bố:

- Ngày 08/12/2025, Công ty CP Nông súc sản Đồng Nai nhận được thông báo kết quả kiểm toán Nhà nước khu vực XII số 237/TB-KV XII ngày 25/11/2025.

3. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 08/12/2025 tại đường dẫn https://dolicovn.com/quan-he-co-dong/

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Tài liệu đính kèm:
- Thông báo kết quả kiểm toán.

Đại diện tổ chức
Người đại diện theo pháp luật

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG SÚC SẢN ĐỒNG NAI

Đinh Ngọc Mến

Mẫu số 27/TBKQKT

KIỂM TOÁN NHÀ NƯỚC
KIỂM TOÁN NHÀ NƯỚC KHU VỰC XII

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 237/TB-KV XII

Đồng Nai, ngày 25 tháng 11 năm 2025

CÔNG TY CP NÔNG SÚC SẢN ĐỒNG NAI
CÔNG VĂN ĐẾN Số: 106 Chuyển: KTT Ngày: 8/12/2025

THÔNG BÁO KẾT QUẢ KIỂM TOÁN TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG SÚC SẢN ĐỒNG NAI

Kính gửi: Giám đốc Công ty Cổ phần Nông súc sản Đồng Nai

Thực hiện Quyết định số 1120/QĐ-KTNN ngày 08/8/2025 của Tổng Kiểm toán nhà nước về việc kiểm toán Báo cáo tài chính, các hoạt động liên quan đến quản lý, sử dụng vốn, tài sản nhà nước năm 2024 của Tổng Công ty Công nghiệp Thực phẩm Đồng Nai (TCT Dofico), Tổ kiểm toán số 2 thuộc Đoàn kiểm toán TCT Dofico của Kiểm toán nhà nước (KTNN) khu vực XII đã tiến hành kiểm toán Công ty Cổ phần Nông súc sản Đồng Nai từ ngày 27/8 đến 08/9/2025.

Căn cứ Báo cáo kiểm toán của Đoàn kiểm toán đã được phát hành và kết quả kiểm toán tại Biên bản kiểm toán của Tổ kiểm toán tại đơn vị, KTNN khu vực XII thông báo kết luận và kiến nghị kiểm toán đối với đơn vị như sau:

I. KẾT LUẬN KIỂM TOÁN

Các đánh giá, nhận xét đã được thể hiện trong Biên bản kiểm toán của Tổ kiểm toán được ký với đơn vị ngày 8/9/2025. Sau đây là kết luận kiểm toán tại đơn vị:

1. Xác nhận về tính trung thực, hợp lý của báo cáo tài chính

1.1. Kết quả kiểm toán số liệu báo cáo tài chính: *(Chi tiết Phụ lục 02, 03, 04 - TBKQKT).*

1.2. Ý kiến xác nhận về tính trung thực, hợp lý của báo cáo tài chính

- Trách nhiệm của đơn vị được kiểm toán:

Lập và trình bày trung thực, hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo khuôn khổ về lập và trình bày Báo cáo tài chính được áp dụng *(Chuẩn mực, Chế độ kế toán và các quy định pháp lý có liên quan)*; thực hiện kiểm soát nội bộ mà đơn vị xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

- Ý kiến xác nhận về tính trung thực, hợp lý của Báo cáo tài chính:

Theo ý kiến của KTNN, ngoại trừ sự ảnh hưởng của các yếu tố đã nêu trong mục phạm vi và giới hạn kiểm toán được nêu tại BBKT đã ký với đơn vị; ngoại trừ ảnh hưởng của những hạn chế tồn tại được nêu tại Thông báo KQKT này, xét trên các khía cạnh trọng yếu, Báo cáo tài chính năm 2024 ký

ngày 19/02/2025 của Công ty Cổ phần Nông súc sản Đồng Nai đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của đơn vị tại thời điểm lập báo cáo, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán áp dụng và quy định pháp luật có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

2. Về chấp hành pháp luật, chính sách, chế độ tài chính - kế toán, quản lý, sử dụng vốn, tiền và tài sản nhà nước

2.1. Đánh giá chung

Năm 2024, Công ty đạt doanh thu 107.647 trđ, bằng 94,84 % kế hoạch; lợi nhuận trước thuế 1.196 trđ, bằng 20,62% kế hoạch. Nguyên nhân: tình hình chăn nuôi của Công ty đối mặt với rất nhiều khó khăn, bệnh dịch tà heo Châu Phi diễn biến mạnh mẽ, phức tạp trên địa bàn; khâu tiêu thụ sản phẩm chăn nuôi trên thị trường có nhiều biến động, giá cả tăng giảm mạnh, nhanh, lường trước. Ngoài ra, các loại nguyên liệu, vật tư, chi phí thuốc sát trùng để phòng chống dịch bệnh tăng cao hơn trước, heo con giống trên thị trường có nguồn gốc và chất lượng uy tín ngày càng khan hiếm.

Về phân phối lợi nhuận sau thuế, Đại hội đồng cổ đông thường niên đã ban hành Nghị quyết 01/NQ-ĐHĐCĐTN ngày 26/6/2025 thông qua phương án phân phối. Năm 2024, Công ty không phát sinh hoạt động thoái vốn, thu hồi vốn Nhà nước; Tổng công ty Dofico chưa có thông báo về kế hoạch thoái vốn. Công ty không thực hiện góp vốn hoặc đầu tư vào tổ chức, dự án khác.

2.2. Những hạn chế tồn tại

(1) Quản lý, sử dụng đất đai

- Có 10 lô đất[1] do Công ty Cổ phần Nông súc sản Đồng Nai đang quản lý, sử dụng với tổng diện tích 81.033,1 m^2 được nhận chuyển nhượng từ các cá nhân (sau thời điểm cổ phần hóa) nhưng chưa hoàn tất thủ tục sang tên từ GCNQSDĐ của các cá nhân (người bán) sang tên Công ty, Công ty hiện chỉ lưu giữ hợp đồng chuyển nhượng QSĐ với cá nhân, GCNQSDĐ mang tên của các cá nhân. Đồng thời, Công ty chưa tự kê khai hiện trạng sử dụng đất và báo cáo UBND tỉnh Đồng

---

[1] - Có 6 lô đất với tổng diện tích có 60.668 m^2 tại xã Suối Cao, huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai (nay là xã Xuân Thành, tỉnh Đồng Nai) m gồm: đất trồng cây hàng năm, trồng cây lâu năm 60.068 m2, đất thổ cư: 600 m2, được nhận chuyển nhượng năm 2009, 2010, 2011 và 2014: Theo báo cáo của Công ty tại Công văn số 12/NSS ngày 8/9/2025: diện tích đất này được xác định để đầu tư dự án chăn nuôi và trồng cây lâu năm, kế hoạch đã được UBND huyện Xuân Lộc chấp thuận vào năm 2012. Năm 2022, Công ty đã gửi báo cáo đề nghị bổ sung diện tích này vào kế hoạch sử dụng đất của huyện, tuy nhiên UBND huyện không đưa vào kế hoạch SDĐ năm 2023, nên đến nay các thửa đất vẫn chưa được sang tên cho Công ty. Hiện tại, diện tích đất trên được Công ty sử dụng làm vành đai cách ly dịch bệnh và tạo khoảng cách ngăn mùi cho khu chăn nuôi heo.

- Có 04 lô đất với tổng diện tích có 20.365,1 m^2 tại xã Xuân Thành, huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai (nay là xã Xuân Thành, tỉnh Đồng Nai) gồm: Đất RSX là: 5.074 m2; đất trồng cây hằng năm là 4.315,6m2; đất trồng cây lâu năm là: 10.109 m2 và 866,5 m2 đất nông nghiệp trồng cây hàng năm khác; được nhận chuyển nhượng năm 2016. Theo báo cáo của Công ty tại Công văn số 12/NSS ngày 8/9/2025: Công ty đã đề nghị UBND huyện Xuân Lộc cho phép mở rộng diện tích khu đất từ 128.919,7 m^2 lên 149.284,8 m^2 nhằm thực hiện dự án trồng cây lâu năm từ năm 2016. Hồ sơ điều chỉnh đã được các phòng, ban chuyên môn của huyện thống nhất trình UBND huyện, tuy nhiên đến nay, UBND huyện chưa có ý kiến chấp thuận, dẫn đến việc Công ty chưa thể hoàn tất thủ tục sang tên.

Nai về hiện trạng sử dụng 81.033,1 m² đất chưa được cấp GCNQSĐ theo quy định tại khoản 1 Điều 142 Luật Đất đai 2024. *(Chi tiết các lô đất tại Phụ lục số 05b/TBKQKT)*.

Một số lô đất đã hết thời hạn sử dụng đất (SDĐ) nhưng chưa kịp thời làm thủ tục gia hạn SDĐ theo quy định

- Có 04 lô đất với diện tích 19.794,1 m² chưa được cấp GCNQSDĐ, đã hết thời hạn sử dụng đất từ năm 2020 nhưng chưa làm thủ tục gia hạn SDĐ (tại Công ty Cổ phần Nông súc sản Đồng Nai): Công ty chưa lập hồ sơ gia hạn SDĐ theo quy định tại khoản 5 Điều 112 Nghị định 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai (chậm nhất đến tháng 1/2025) và không có tài liệu chứng minh lý do bất khả kháng, nên 04 lô đất nêu trên thuộc trường hợp nhà nước xem xét thu hồi đất theo quy định tại khoản 5 Điều 112 Nghị định 102/2024/NĐ-CP và khoản 2 Điều 258 Luật Đất đai 2024 *(Chi tiết các lô đất tại Phụ lục số 05a/TBKQKT)*.

- Có 03 lô đất với diện tích 82.234,4 m² đã được cấp GCNQSĐ, hết thời hạn sử dụng đất từ tháng 3 năm 2025 nhưng làm thủ tục gia hạn SDĐ trễ hạn (tại Công ty Cổ phần Nông súc sản Đồng Nai): Công ty nộp hồ sơ đề nghị gia hạn QSĐ vào tháng 2 năm 2025 trễ hạn theo quy định tại khoản 3 Điều 172 Luật Đất đai năm 2024 (hồ sơ gia hạn phải được nộp chậm nhất 06 tháng trước khi hết thời hạn, tức vào tháng 10/2024) và không có tài liệu chứng minh lý do bất khả kháng. Do đó, 03 lô đất nêu trên thuộc trường hợp nhà nước xem xét thu hồi đất theo khoản 3 Điều 172 Luật Đất đai năm 2024. *(Chi tiết các lô đất tại Phụ lục số 05a/TBKQKT)*.

II. KIẾN NGHỊ KIỂM TOÁN

1. Đối với Công ty Cổ phần Nông súc sản Đồng Nai

1.1. Kiến nghị chấn chỉnh, rút kinh nghiệm công tác quản lý, sử dụng tài chính công, tài sản công

(1) Kê khai hiện trạng sử dụng đất và báo cáo UBND tỉnh Đồng Nai về hiện trạng sử dụng 81.033,1 m2 đất chưa được cấp GCNQSĐ theo quy định tại khoản 1 Điều 142 Luật Đất đai năm 2024. Đồng thời, khẩn trương liên hệ với các cơ quan chức năng hoàn thiện hồ sơ pháp lý về sang tên Giấy CNQSĐ từ các cá nhân sang tên Công ty đối với các lô đất có 81.033,1 m2 (Chi tiết tại Phụ lục số 05b/TBKQKT).

2. Đối với UBND tỉnh Đồng Nai

(1) Chỉ đạo cơ quan chức năng liên quan kiểm tra, xử lý theo quy định đối với các khu đất đang được Công ty Cổ phần Nông súc sản Đồng Nai quản lý, sử dụng: (i) Các lô đất tổng diện tích 19.794,1 m² đã hết hạn sử dụng đất năm 2020 nhưng chưa được gia hạn theo quy định tại khoản 2 Điều 258 Luật Đất đai năm 2024 và khoản 5 Điều 112 Nghị định 102/2024/NĐ-CP; (ii) 03 lô đất với tổng diện tích 82.234,4 m2 đã hết thời hạn sử dụng đất từ tháng 3

năm 2025 nhưng Công ty nộp hồ sơ đề nghị gia hạn chậm so với quy định tại khoản 3 Điều 172 Luật Đất đai năm 2024. *(Chi tiết tại Phụ lục số 05a, 05b/TBKQKT)*.

Đề nghị Giám đốc Công ty Cổ phần Nông súc sản Đồng Nai chỉ đạo thực hiện nghiêm túc, kịp thời các kiến nghị của Kiểm toán nhà nước theo Thông báo này và báo cáo kết quả thực hiện về Tổng Công ty Công nghiệp Thực phẩm Đồng Nai để tổng hợp báo cáo Kiểm toán nhà nước khu vực XII, địa chỉ số 828 đường Trần Quốc Toản, phường Trấn Biên, tỉnh Đồng Nai trước ngày 31/03/2026. Quá thời hạn nêu trên, đơn vị được kiểm toán phải chịu trách nhiệm về hành vi vi phạm quy định về thực hiện kết luận, kiến nghị kiểm toán của Kiểm toán nhà nước theo quy định tại Điều 14 của Pháp lệnh Xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực kiểm toán nhà nước. Trong Báo cáo kết quả thực hiện kiến nghị kiểm toán cần nêu rõ: những kiến nghị đã thực hiện; kiến nghị đang thực hiện; kiến nghị chưa thực hiện *(với những kiến nghị đã thực hiện cần ghi rõ tên bằng chứng, phô tô kèm theo các chứng từ, tài liệu,... để chứng minh; với kiến nghị đang thực hiện và kiến nghị chưa thực hiện phải giải thích rõ lý do)*.

Thông báo này gồm 04 trang, từ trang 01 đến trang 04 và các Phụ lục số 02, 03, 04, 05a, 05b/TBKQKT là bộ phận không tách rời của Thông báo này./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- TCT Dofico;
- UBND tỉnh Đồng Nai;
- KTNN khu vực XII;
- Lưu: VT, ĐKT.

KT. KIỂM TOÁN TRƯỞNG
PHÓ KIỂM TOÁN TRƯỞNG

KIỂM TOÁN NHÀ NƯỚC KHU VỰC XII

Mai Văn Tân

Phụ lục số 01-TBKQKT

HƯỚNG DẪN GHI CHÉP CHỨNG TỪ THỰC HIỆN KIẾN NGHỊ KIỂM TOÁN CỦA KIỂM TOÁN NHÀ NƯỚC

1. Đối với kiến nghị tăng thu về thuế, phí, thu khác nộp tại Kho bạc Nhà nước: Các chứng từ nộp tiền vào Kho bạc Nhà nước nơi đơn vị được kiểm toán giao dịch *(giấy nộp tiền, ủy nhiệm chi, giấy nộp trả kinh phí, lệnh chuyển có,...)*, ngoài việc ghi rõ nội dung kiến nghị, số tiền cụ thể theo quy định, còn phải ghi rõ *"Nộp NSNN thực hiện theo kiến nghị của KTNN niên độ ngân sách năm 2024 tại Báo cáo kiểm toán phát hành theo Công văn số 256/KTNN-TH ngày 31 tháng 10 năm 2025"* đồng thời đánh dấu vào ô KTNN trên giấy nộp tiền vào NSNN. Đối với trường hợp kiến nghị cơ quan thuế xử phạt, truy thu thuế đối với các đơn vị: Quyết định xử phạt, truy thu của cơ quan quản lý thuế ghi rõ nội dung *"xử phạt, truy thu theo kiến nghị của KTNN niên độ ngân sách năm 2024"*; Giấy nộp tiền vào Ngân sách nhà nước ghi rõ: *"Nộp tiền xử phạt, truy thu theo kiến nghị của KTNN niên độ ngân sách năm 2024"*.

2. Đối với kiến nghị thông qua phương thức bù trừ: Văn bản xác nhận của cơ quan thuế ghi rõ "nội dung và số tiền bù trừ theo kiến nghị của KTNN"; Tờ khai thuế GTGT thuyết minh rõ "*nội dung số thuế GTGT còn được khấu trừ theo kiến nghị của KTNN*"; Tờ khai thuế TNDN thuyết minh rõ "*số thuế TNDN tăng thêm do thực hiện giảm lỗ theo kiến nghị của KTNN*"; đồng thời ghi rõ "niên độ ngân sách năm 2024 tại Báo cáo kiểm toán phát hành theo Công văn số 256/KTNN-TH ngày 31 tháng 10 năm 2025.

Phụ lục số 02 - TBKQKT

KIỂM TOÁN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TẠI NGÀY 31/12/2024

Đơn vị tính: đồng

Tài sản	Mã số	Số báo cáo	Số kiểm toán	Chênh lệch
1	2	3	4	5
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	**100**	**155.068.914.469**	**155.068.914.469**	-
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	**110**	**2.034.483.922**	**2.034.483.922**	-
1. Tiền	111	2.034.483.922	2.034.483.922	-
2. Các khoản tương đương tiền	112	-	-	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	**120**	**144.000.000.000**	**144.000.000.000**	-
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	144.000.000.000	144.000.000.000	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	**130**	**1.646.999.344**	**1.646.999.344**	-
1. Phải thu khách hàng	131	180.000.000	180.000.000	-
2. Trả trước cho người bán	132	233.674.686	233.674.686	-
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	1.413.324.658	1.413.324.658	-
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137	(180.000.000)	(180.000.000)	-
IV. Hàng tồn kho	**140**	**6.887.044.259**	**6.887.044.259**	-
1. Hàng tồn kho	141	6.887.044.259	6.887.044.259	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	**150**	**500.386.944**	**500.386.944**	-
1. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	500.386.944	500.386.944	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	**200**	**28.658.359.049**	**28.658.359.049**	-
I. Các khoản phải thu dài hạn	**210**	-	-	-
1. Phải thu dài hạn khác	216	-	-	-
II. Tài sản cố định	**220**	**23.377.772.433**	**23.377.772.433**	-
1. Tài sản cố định hữu hình	221	14.284.502.650	14.284.502.650	-
-Nguyên giá	222	109.997.014.144	109.997.014.144	-
-Gía trị hao mòn lũy kế	223	(95.712.511.494)	(95.712.511.494)	-
2. Tài sản cố định vô hình	227	9.093.269.783	9.093.269.783	-
-Nguyên giá	228	15.019.256.267	15.019.256.267	-
-Gía trị hao mòn lũy kế	229	(5.925.986.484)	(5.925.986.484)	-
III. Bất động sản đầu tư	**240**			-
-Nguyên giá	241	-	-	-
-Gía trị hao mòn lũy kế	242	-	-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	**240**	-	-	-
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	-	-	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	**250**	**1.030.000.000**	**1.030.000.000**	-
1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	1.030.000.000	1.030.000.000	-
VI. Tài sản dài hạn khác	**260**	**4.250.586.616**	**4.250.586.616**	-
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	4.250.586.616	4.250.586.616	
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	**270**	**183.727.273.518**	**183.727.273.518**	-
C. NỢ PHẢI TRẢ	**300**	**18.560.025.753**	**18.560.025.753**	-
I. Nợ ngắn hạn	**310**	**18.560.025.753**	**18.560.025.753**	-
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	537.162.679	537.162.679	-
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	-	-	-
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	100.177.429	100.177.429	-
4. Phải trả người lao động	314	2.416.982.266	2.416.982.266	-
5. Chi phí phải trả ngắn hạn khác	315	33.585.926	33.585.926	-
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	110.751.072	110.751.072	
7. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322	15.361.366.381	15.361.366.381	-
II. Nợ dài hạn	**330**			-
1. Chi phí phải trả dài hạn	337	-	-	-
2. Phải trả dài hạn khác	338	-	-	-

D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	**400**	**165.167.247.765**	**165.167.247.765**	**-**
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	102.639.420.000	102.639.420.000	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	61.781.859.344	61.781.859.344	-
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	745.968.421	745.968.421	-
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối đến cuối kỳ trước	421a	-	-	-
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b	745.968.421	745.968.421	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	**440**	**183.727.273.518**	**183.727.273.518**	**-**
		-	-	-

Phụ lục số 03 - TBKQKT

KIỂM TOÁN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NĂM 2024

Đvt: đồng

Chỉ tiêu	Mã số	Số báo cáo	Số kiểm toán	Chênh lệch
1	2	3	4	5= 4-3
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	101.797.735.573	101.797.735.573	-
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	-	-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10= 01-02)	**10**	**101.797.735.573**	**101.797.735.573**	-
4. Giá vốn hàng bán	11	102.980.014.016	102.980.014.016	-
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10 - 11)	**20**	**(1.182.278.443)**	**(1.182.278.443)**	-
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.287.382.778	5.287.382.778	-
7. Chi phí tài chính	22	(242.978.000)	(242.978.000)	-
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23	-	-	-
8. Chi phí bán hàng	25	-	-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	3.714.007.697	3.714.007.697	-
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + (21 – 22) – 25 - 26)	**30**	**634.074.638**	**634.074.638**	-
11. Thu nhập khác	31	562.342.741	562.342.741	-
12. Chi phí khác	32	165.482	165.482	-
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40	562.177.259	562.177.259	-
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	**50**	**1.196.251.897**	**1.196.251.897**	-
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	231.283.476	231.283.476	-
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52			-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50 – 51 - 52)	**60**	**964.968.421**	**964.968.421**	-
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70	73	73	-

Phụ lục số 04 - TBKQKT

KIỂM TOÁN THỰC HIỆN NGHĨA VỤ VỚI NSNN ĐẾN NGÀY 31/12/2024

1. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước

Đơn vị tính: Đồng.

Số TT	Chỉ tiêu	Số báo cáo	Số kiểm toán	Chênh lệch
I	**Thuế**	**500.386.944**	**500.386.944**	-
2	Thuế thu nhập doanh nghiệp	500.386.944	500.386.944	-
	Tổng cộng	**500.386.944**	**500.386.944**	-

2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Đơn vị tính: Đồng.

Số TT	Chỉ tiêu	Số báo cáo	Số kiểm toán	Chênh lệch
I	**Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**	**100.177.429**	**100.177.429**	-
1	Thuế giá trị gia tăng	58.088.288	58.088.288	-
2	Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-	-
3	Thuế thu nhập cá nhân	42.089.141	42.089.141	-
	Tổng cộng	**100.177.429**	**100.177.429**	-

Phụ lục số 05a - TBKQKT

CÁC LÔ ĐẤT ĐÃ CÓ GCNQSDĐ CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG SÚC SẢN ĐỒNG NAI NHƯNG HẾT THỜI HẠN SỬ DỤNG ĐẤT THÁNG 3 NĂM 2025

STT	Số GCN	Diện tích (m2)	Thời hạn sử dụng đất trên GCN	Nội dung thay đổi cơ sở pháp lý	Thời điểm chuyển QSDD	Trại heo	Mục đích sử dụng trên GCN cũ	Chủ sở hữu cũ
	Tổng	**82.234,40**						
1	038185	1.625,80	3/2025	Đã sang tên cho CT	05/04/2016	Xuân Thành	Đất rừng sản xuất	Nhận chuyển nhượng bà Đinh Thị Tiểu Phương
2	038183	920,00	3/2025	Đã sang tên cho CT	05/04/2016	Xuân Thành	Đất rừng sản xuất	
3	038178	79.688,60	3/2025	Đã sang tên cho CT	05/04/2016	Xuân Thành	Đất rừng sản xuất	

CÁC LÔ ĐẤT CHƯA HOÀN THÀNH THỦ TỤC SANG TÊN TỪ GCNQSDĐ CỦA CÁ NHÂN SANG TÊN CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG SÚC SẢN ĐỒNG NAI

STT	Số GCN	Diện tích (m2)	Thời hạn sử dụng đất trên GCN	Diện tích hết hạn sử dụng đất năm 2020	Nội dung thay đổi cơ sở pháp lý	Thời điểm chuyển QSDD	Trại heo	Mục đích sử dụng trên GCN cũ	Chủ sở hữu cũ
	Tổng	**81.033,10**		**19.794,1**					
1	038171	4.315,60	3/2020	4.315,6	Chưa sang tên cho CT	Hợp đồng mua 28/3/2016	Xuân Thành	Đất trồng cây hàng năm khác	Nhận chuyển nhượng từ bà Đinh Thị Tiểu Phương
2	038170	5.074,00	3/2050		Chưa sang tên cho CT	Hợp đồng mua 28/3/2016	Xuân Thành	Đất rừng sản xuất	
3	038188	10.109,00	3/2050		Chưa sang tên cho CT	Hợp đồng mua 28/3/2016	Xuân Thành	Đất trồng cây lâu năm	
4	038177	866,50	3/2020	866,5	Chưa sang tên cho CT	Hợp đồng mua 28/3/2016	Xuân Thành	đất nông nghiệp trồng cây hàng năm khác	
5	220482	6.509,00	01/2050		Chưa sang tên cho CT	Hợp đồng mua 8/4/2010	Suối Cao	Đất trồng cây lâu năm	Ngô Văn Hiên
6	311804	13.289,00	có 6.763 m2 đất có hạn đến 1/2020	6.763,0	Chưa sang tên cho CT	Hợp đồng mua 23/12/2010	Suối Cao	đất nông nghiệp trồng cây hàng năm khác	Hoàng Thị Bính
7	558289	7.849,00	10/2020	7.849,0	Chưa sang tên cho CT	Hợp đồng mua 06/8/2009	Suối Cao	đất nông nghiệp trồng cây hàng năm khác	Nguyễn Tiến Châu
8	000433	11.049,00	8/2061		Chưa sang tên cho CT	Hợp đồng mua 12/8/2011	Suối Cao	Đất trồng cây lâu năm	Nguyễn Hữu Thảo
9	084240	12.687,00	1/2050		Chưa sang tên cho CT	Hợp đồng mua 23/12/2014	Suối Cao	Đất trồng cây lâu năm	Võ Thị Kim Oanh
10	311888	9.285,00	1/2050		Chưa sang tên cho CT	Hợp đồng mua 8/4/2010	Suối Cao	Đất trồng cây lâu năm	Thái Đình Quốc